

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **14200**/BTC-HCSN
V/v Xin ý kiến về dự thảo
Nghị định quy định chi tiết
hoạt động đầu tư từ quỹ
BHXH, BHYT, BHTN

Hà Nội, ngày **24** tháng 12 năm 2024

Kính gửi:

- Các Bộ: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động – Thương binh và Xã hội, Y tế, Công an, Quốc phòng;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Bảo hiểm Xã hội Việt Nam.

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 122, khoản 3 Điều 123, khoản 5 Điều 137 Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Quyết định số 717/QĐ-TTg ngày 27/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2024)¹;

Bộ Tài chính soạn thảo dự thảo Nghị định quy định chi tiết hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp – *dự thảo Nghị định và thuyết minh chi tiết kèm theo.*

Bộ Tài chính đề nghị các Bộ, cơ quan tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định, gửi Bộ Tài chính **trước ngày 20/01/2025**, đề nghị Bảo hiểm Xã hội Việt Nam sớm hoàn thiện các nội dung theo đề nghị của Bộ Tài chính tại công văn số 8734/BTC-HCSN ngày 19/8/2024², công văn số 11695/BTC-HCSN ngày 30/10/2024³, làm cơ sở để Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan chức năng nghiên cứu, hoàn chỉnh dự thảo Nghị định trình Chính phủ theo quy định.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của các Bộ, cơ quan./. **y**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc (đề b/c);
- VPCP (để phối hợp);
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ trưởng (đề b/c);
- Cục TH&TKTC;
- Lưu: VT, HCSN (**4** bản) **Tấn**

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Bùi Văn Khăng

¹ Nội dung 103 Phụ lục kèm theo Quyết định số 717/QĐ-TTg: Bộ Tài chính chủ trì trình Nghị định quy định về hoạt động đầu tư quỹ BHXH trước ngày 01/5/2025/.

² Đề nghị gửi Bộ Tài chính trước ngày 15/9/2024;

³ Đề nghị gửi Bộ Tài chính trước ngày 02/11/2024;

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO 1

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội,
bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết hoạt động đầu tư từ quỹ
bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội,
bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này được áp dụng đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam, cơ
quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã
hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc đầu tư

1. Hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất
nghiệp phải bảo đảm minh bạch, an toàn, bền vững, hiệu quả và thu hồi được
vốn đầu tư.

2. Từng bước đa dạng hóa danh mục đầu tư, cơ cấu và phương thức đầu tư
phù hợp với năng lực và cơ sở vật chất của tổ chức đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội,
bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

3. Hoạt động đầu tư thực hiện theo chiến lược đầu tư dài hạn do cấp có
thẩm quyền phê duyệt trong từng thời kỳ và phương án đầu tư hằng năm do Hội

đồng quản lý Bảo hiểm xã hội thông qua trên cơ sở đề xuất của Bảo hiểm xã hội Việt Nam phù hợp với nghĩa vụ chi trả của từng quỹ thành phần.

Điều 4. Danh mục đầu tư và cơ cấu đầu tư

1. Hoạt động đầu tư của quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại thị trường trong nước theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Mua trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, công trái xây dựng Tổ quốc;

b) Mua trái phiếu chính quyền địa phương;

c) Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ; không thực hiện đầu tư tại các ngân hàng thương mại đang được kiểm soát đặc biệt;

d) Mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi của các ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ; không thực hiện đầu tư tại các ngân hàng thương mại đang được kiểm soát đặc biệt;

đ) Mua trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội phát hành.

2. Việc đầu tư vào hình thức quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều này chỉ áp dụng đối với **quỹ bảo hiểm thất nghiệp**; số tiền đầu tư vào hình thức này không được vượt quá 20% số dư quỹ bảo hiểm thất nghiệp của năm trước liền kề.

3. Hoạt động đầu tư của **quỹ bảo hiểm xã hội** tại thị trường quốc tế là trái phiếu Chính phủ.

Căn cứ chiến lược đầu tư dài hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu, khả năng đầu tư của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng phương án đầu tư **quỹ bảo hiểm xã hội** tại thị trường quốc tế (bao gồm thời điểm thực hiện; danh mục đầu tư; cách thức đầu tư) trong phương án đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp hàng năm trình Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội thông qua để tổ chức thực hiện, phù hợp với năng lực và cơ sở vật chất của tổ chức đầu tư thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

4. Cơ cấu đầu tư

a) Giai đoạn 2025 – 2035 đầu tư vào trái phiếu chính phủ ở thị trường trong nước quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, trong đó ưu tiên đối với trái phiếu của Chính phủ Việt Nam, tín phiếu Kho bạc Nhà nước, công trái xây dựng Tổ quốc, trái phiếu chính quyền địa phương có **kỳ hạn từ 5 năm đến 30 năm**; tiếp tục đầu tư vào các danh mục đầu tư khác quy định tại khoản 1 Điều này theo tỷ trọng do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định cụ thể trong phương án đầu tư hàng năm trình Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội thông qua; đồng thời điều chỉnh phù hợp với Chiến lược đầu tư dài hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Giai đoạn từ năm 2036 trở đi điều chỉnh cơ cấu đầu tư phù hợp với Chiến lược đầu tư dài hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tỷ trọng các tài sản trong danh mục đầu tư do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định cụ thể trong phương án đầu tư hàng năm trình Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội thông qua; đồng thời điều chỉnh phù hợp với Chiến lược đầu tư dài hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định và chịu trách nhiệm trước Chính phủ về danh mục đầu tư, cơ cấu đầu tư cụ thể của các quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm y tế, quỹ bảo hiểm thất nghiệp trên cơ sở đề nghị của cơ quan bảo hiểm xã hội.

Điều 5. Phương thức đầu tư

1. Hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại thị trường trong nước bằng phương thức tự đầu tư do tổ chức đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện. Trường hợp cần thiết, Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng phương án đầu tư bằng phương thức ủy thác đầu tư trình Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội quyết định để tổ chức thực hiện.

2. Hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội tại thị trường quốc tế quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này **bằng phương thức ủy thác đầu tư**. Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng phương án về phương thức ủy thác đầu tư trình Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định để thực hiện.

Trường hợp năng lực và cơ sở vật chất của tổ chức đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam Việt Nam đáp ứng được yêu cầu tự đầu tư ở thị trường quốc tế, Bảo hiểm xã hội Việt Nam Việt Nam xây dựng phương án đầu tư bằng phương thức tự đầu tư trình Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định để tổ chức thực hiện.

3. Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam chịu trách nhiệm trước Chính phủ về phương thức đầu tư cụ thể.

Điều 6. Xây dựng phương án đầu tư

1. Căn cứ tình hình thu, chi quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp hàng năm và danh mục đầu tư quy định tại Điều 4 Nghị định này, Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng phương án đầu tư trình Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam thông qua.

2. Phương án đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được xây dựng cùng với việc lập dự toán thu, chi và tổng hợp trong dự toán thu, chi hàng năm của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, nội dung gồm:

a) Đánh giá tình hình thực hiện hoạt động đầu tư năm trước, ước thực hiện năm nay, chi tiết theo từng danh mục đầu tư, gồm các chỉ tiêu: Số dư nợ đầu tư, số tiền đầu tư, số tiền thu hồi (tiền gốc, lãi), mức lãi suất đầu tư;

b) Dự kiến đầu tư trong năm kế hoạch, gồm các chỉ tiêu: Tổng số tiền sử dụng đầu tư, các danh mục đầu tư, cơ cấu đầu tư, thời hạn đầu tư, mức lãi suất đầu tư, số tiền thu hồi (tiền gốc, lãi), số dư nợ đầu tư cuối năm.

3. Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện đầu tư phải theo đúng danh mục đầu tư, cơ cấu đầu tư, phương thức đầu tư quy định tại Nghị định này và phương thức đầu tư, phương án đầu tư đã được Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam thông qua. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu xét thấy cần thiết phải điều chỉnh hoặc bổ sung phương án đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, Bảo hiểm xã hội Việt Nam báo cáo Hội đồng quản lý xem xét, quyết định.

Chương II PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN ĐẦU TƯ

Điều 7. Mua công cụ nợ của Chính phủ và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước

1. Công cụ nợ của Chính phủ được mua bao gồm trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, công trái xây dựng Tổ quốc do Bộ Tài chính tổ chức phát hành tại thị trường trong nước; trái phiếu chính quyền địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phát hành. Các hình thức mua công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương gồm:

a) Mua công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu tại thị trường trong nước;

b) Mua trái phiếu chính quyền địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phát hành theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu tại thị trường trong nước;

c) Mua công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương.

2. Mức mua công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương do Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định căn cứ vào phương án đầu tư hàng năm đã được Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam thông qua.

3. Thời hạn đầu tư mua công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương tùy thuộc vào thời hạn của từng loại công cụ nợ của Chính phủ cụ thể quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Việc thanh toán tiền gốc, lãi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương khi đến hạn thực hiện theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước.

5. Trường hợp cần thiết phải bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương để thu hồi vốn trước hạn, Bảo hiểm xã hội Việt Nam

có văn bản nêu rõ lý do, trình Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam xem xét, quyết định.

Điều 8. Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ, trong đó không thực hiện đầu tư tại các ngân hàng thương mại đang được kiểm soát đặc biệt

1. BHHX Việt Nam gửi tiền tại các NHTM theo quy chế quản lý tiền gửi do BHHX Việt Nam ban hành sau khi được HĐQL BHHX Việt Nam thông qua.

2. BHHX Việt Nam quyết định mức gửi tiền, thời hạn gửi tiền, mức lãi suất tối ưu tại các NHTM và chịu trách nhiệm trước pháp luật về Thủ tướng Chính phủ về hiệu quả đầu tư. Thời hạn gửi tiền cụ thể do BHHX Việt Nam lựa chọn căn cứ vào từng loại kỳ hạn gửi tiền của NHTM nhưng tối đa không quá 03 năm.

3. Việc thanh toán tiền gốc, tiền lãi thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng.

Trường hợp đến hạn thanh toán tiền lãi hoặc tiền gốc, nếu NHTM thanh toán không kịp thời, thì ngoài việc phải thanh toán đủ số tiền lãi hoặc tiền gốc chậm thanh toán, còn phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán bằng 150% mức lãi suất gửi tiền tại thời điểm thanh toán tính trên số tiền chậm thanh toán, thời gian chậm thanh toán. Khi ký hợp đồng gửi tiền, BHHX Việt Nam có trách nhiệm ký thỏa thuận với NHTM về việc xử lý khi NHTM chậm thanh toán số tiền lãi hoặc tiền gốc.

Điều 9. Mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi của các ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ, trong đó không thực hiện đầu tư tại các ngân hàng thương mại đang được kiểm soát đặc biệt

1. Việc mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi do ngân hàng thương mại phát hành phải thuộc phương án đầu tư quỹ đã được Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam thông qua.

2. Thời hạn đầu tư mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi tùy thuộc vào thời hạn của từng loại giấy tờ có giá do ngân hàng thương mại phát hành nhưng tối đa không quá 05 năm.

3. Mức lãi suất mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi thực hiện theo lãi suất phát hành trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi do ngân hàng thương mại phát hành nhưng phải đảm bảo không thấp hơn mức trung bình lãi suất tiền gửi cùng kỳ hạn của 4 chi nhánh trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc bốn ngân hàng thương mại: Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

4. Việc thanh toán tiền gốc, lãi trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi khi đến hạn thực hiện theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi của ngân hàng thương mại.

5. Trường hợp cần thiết phải bán trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi để thu hồi vốn trước hạn, Bảo hiểm xã hội Việt Nam có văn bản nêu rõ lý do, trình Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam xem xét, quyết định.

Điều 10. Mua trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội phát hành

1. Mức mua trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định căn cứ vào phương án đầu tư quỹ đã được Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam thông qua và tỷ trọng vốn đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

2. Thời hạn đầu tư mua trái phiếu tùy thuộc vào thời hạn của từng loại trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh nhưng tối đa không quá 05 năm.

3. Việc thanh toán tiền gốc, lãi trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh khi đến hạn thực hiện theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh trong nước.

4. Trường hợp cần thiết phải bán trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh để thu hồi vốn trước hạn, Bảo hiểm xã hội Việt Nam có văn bản nêu rõ lý do, trình Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam xem xét, quyết định.

Chương III

SỬ DỤNG TIỀN SINH LỜI CỦA HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ, XỬ LÝ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Điều 11. Sử dụng tiền sinh lời của hoạt động đầu tư

Toàn bộ số tiền sinh lời thu được hằng năm của hoạt động đầu tư theo quy định tại Nghị định này và số tiền lãi phát sinh trên tài khoản tiền gửi phản ánh các khoản thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được sử dụng như sau:

1. Trích lập quỹ dự phòng rủi ro trong hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo nguyên tắc như sau:

a) Mức trích quỹ dự phòng rủi ro hằng năm tối đa không quá 2% số tiền sinh lời của hoạt động đầu tư cho đến khi số dư quỹ dự phòng rủi ro bằng 5% số dư nợ đầu tư vào các hình thức quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều 4 Nghị định này của năm trước liền kề. Mức trích cụ thể hằng năm do Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định;

b) Quỹ dự phòng rủi ro được sử dụng để bù đắp cho số tiền đầu tư bị rủi ro được xử lý theo quy định tại Điều 12 Nghị định này;

c) Quỹ dự phòng rủi ro trong thời gian chưa sử dụng, được sử dụng đầu tư vào các hình thức quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

2. Phần còn lại phân bổ vào các quỹ theo tỷ lệ số dư bình quân của từng quỹ trên tổng số dư bình quân của các quỹ trong năm và sử dụng như sau:

a) Tiền sinh lời phân bổ vào quỹ bảo hiểm xã hội sau khi trích chi phí quản lý bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật, số còn lại bổ sung vào các quỹ thành phần theo tỷ lệ số dư bình quân của từng quỹ thành phần trên tổng số dư bình quân của các quỹ thành phần trong năm;

b) Tiền sinh lời phân bổ vào quỹ bảo hiểm y tế được bổ sung vào quỹ dự phòng để điều tiết chung;

c) Tiền sinh lời phân bổ vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp được bổ sung vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

Điều 12. Xử lý rủi ro trong hoạt động đầu tư

1. Phạm vi xử lý rủi ro gồm các khoản đầu tư vào hình thức gửi tiền; mua trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng thương mại bị rủi ro do ngân hàng thương mại gặp rủi ro theo quy định của pháp luật.

2. Biện pháp xử lý rủi ro

a) Gia hạn nợ là việc Bảo hiểm xã hội Việt Nam tạm thời chưa thu một phần hoặc toàn bộ số tiền đầu tư khi đến hạn thu hồi trong thời gian tối đa không quá 03 năm, tùy theo từng trường hợp cụ thể;

b) Khoanh nợ là việc Bảo hiểm xã hội Việt Nam tạm thời chưa thu một phần hoặc toàn bộ tiền đầu tư và tiền lãi phát sinh khi đến hạn thu hồi trong thời gian nhất định và không tính lãi đối với số tiền (gốc) chưa thu trong thời gian được khoanh nợ; thời hạn khoanh nợ tối đa không quá 03 năm;

c) Xóa lãi là việc Bảo hiểm xã hội Việt Nam không thu một phần hoặc toàn bộ tiền lãi đầu tư của bên có liên quan khi đến hạn thanh toán;

d) Bán nợ là việc Bảo hiểm xã hội Việt Nam chuyển giao quyền chủ nợ đối với khoản đầu tư bị rủi ro cho bên mua nợ và nhận thanh toán từ bên mua nợ, được thực hiện theo quy định của pháp luật về mua, bán nợ. Việc mua bán nợ phải được lập thành hợp đồng, trong đó xác định rõ giá bán nợ, chuyển quyền chủ nợ từ bên bán nợ sang bên mua nợ và các thỏa thuận khác có liên quan. Trường hợp số tiền thu được của bên mua nợ nhỏ hơn số tiền bị rủi ro (nếu có), thì số chênh lệch này được xử lý theo quy định tại Điểm đ Khoản này;

đ) Xóa gốc là việc Bảo hiểm xã hội Việt Nam không thu một phần hoặc toàn bộ tiền gốc đầu tư của bên có liên quan. Nguồn bù đắp xóa nợ được trích từ quỹ dự phòng rủi ro theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định này.

3. Nguyên tắc xử lý rủi ro

a) Khoản đầu tư được thực hiện theo đúng thẩm quyền và phương thức đầu tư quy định tại Nghị định này;

b) Có đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh khoản đầu tư bị rủi ro do nguyên nhân khách quan làm thiệt hại một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư (tiền gốc, lãi);

c) Việc xử lý rủi ro được xem xét đối với từng trường hợp cụ thể căn cứ vào nguyên nhân dẫn đến rủi ro, mức độ rủi ro, đảm bảo đầy đủ hồ sơ pháp lý, đúng trình tự và quy định của pháp luật;

d) Một khoản đầu tư bị rủi ro có thể áp dụng một hoặc nhiều biện pháp xử lý rủi ro quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Thẩm quyền xử lý rủi ro

a) Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam xem xét, quyết định xử lý đối với trường hợp gia hạn nợ quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này;

b) Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam xem xét, quyết định xử lý đối với trường hợp khoan nợ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

c) Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định xử lý đối với trường hợp xóa lãi, bán nợ, xóa nợ quy định tại các Điểm c, d và đ Khoản 2 Điều này trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

5. Khi xảy ra rủi ro dẫn đến vốn đầu tư không thu hồi đúng hạn hoặc không có khả năng thu hồi, Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện như sau:

a) Phải kịp thời báo cáo Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan có liên quan để xác minh, đánh giá mức độ thiệt hại, tổn thất về tài sản và lập hồ sơ đề nghị xử lý;

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế và cơ quan có liên quan thẩm định, đề xuất các biện pháp xử lý để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Điều Khoản chuyển tiếp

Đối với các hợp đồng cho ngân hàng thương mại nhà nước, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội vay được ký trước ngày 01 tháng 07 năm 2025, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các bên có liên quan tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng. Trường hợp gia hạn các hợp đồng này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
2. Nghị định số 30/2016/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,

bảo hiểm thất nghiệp hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm:

a) Chi đạo bộ phận quản lý đầu tư quỹ phải thường xuyên cập nhật thông tin về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, lãi suất huy động của các ngân hàng thương mại có chất lượng hoạt động tốt; đối chiếu số tiền đầu tư, số tiền đến hạn thu hồi và số dư của từng hình thức đầu tư, đối tượng đầu tư để phục vụ cho việc xác định lãi suất đầu tư sát thực tế, thu hồi tiền gốc, lãi được kịp thời và đúng hạn;

b) Định kỳ 3 tháng một lần, báo cáo Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

c) Thực hiện lưu giữ hồ sơ hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật;

d) Cung cấp đầy đủ và kịp thời các số liệu, tài liệu có liên quan đến hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế và cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Hồ Đức Phúc

**THUYẾT MINH CHI TIẾT CỦA CƠ QUAN SOẠN THẢO
VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG ĐẦU
TƯ TỪ QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM
THẤT NGHIỆP**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và tên của Nghị định

(1). Nội dung Điều 1 giữ nguyên như Điều 1 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP.

(2). Căn cứ ban hành Nghị định bao gồm Luật Tổ chức Chính phủ, Luật BHXH 2024, Luật BHYT và Luật Việc làm.

Khoản 5 Điều 137 Luật BHXH 2024 quy định Bộ Tài chính “5. *Trình Chính phủ quy định về hoạt động đầu tư quỹ BHXH*”;

Luật BHYT quy định “2. *Số tiền tạm thời nhàn rỗi của quỹ BHYT được sử dụng để đầu tư theo các hình thức quy định của Luật BHXH*” (Khoản 2 Điều 35);

Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 quy định về việc sử dụng quỹ BHTN “*Đầu tư để bảo toàn và tăng trưởng Quỹ*” (Điểm g khoản 3 Điều 57); về “*các hình thức đầu tư quỹ BHTN*” (khoản 2 Điều 59).

Do vậy, cơ quan soạn thảo xác định phạm vi điều chỉnh là hoạt động đầu tư từ 03 quỹ: quỹ BHXH, BHYT, BHTN và tên gọi của Nghị định là “***Nghị định quy định chi tiết hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp***” như tên gọi của Nghị định số 30/2016/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nội dung Điều 2 giữ nguyên như Điều 2 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP.

Điều 3. Nguyên tắc đầu tư

(1). Khoản 1 quy định theo khoản 1 Điều 121 Luật BHXH 2024 và giữ nguyên các thuật ngữ được gạch chân như đã quy định tại Nghị định số 30/2016/NĐ-CP.

(2). Khoản 2 quy định theo khoản 2 Điều 121 Luật BHXH 2024 và bổ sung “**Từng bước**” để cụ thể hóa, thể hiện lộ trình thực hiện, đáp ứng được nhiệm vụ giao cho Chính phủ tại khoản 4 Điều 122 Luật BHXH 2024 về việc “*quy định lộ trình đa dạng hóa*”.

(3). Về quy định tại **khoản 3** “**cấp có thẩm quyền phê duyệt chiến lược đầu tư dài hạn**”

- **Cơ sở pháp lý** (i) Điểm b khoản 4 Điều 20 Luật BHXH 2024 “*HĐQL BHXH thông qua chiến lược đầu tư dài hạn...*”; (ii) Quyết định số 1370/QĐ-TTg ngày 12/11/2024 của TTCPg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật BHXH và Nghị quyết số 142/2024/QH15 của Quốc hội *giao BHXH Việt Nam xây dựng và trình cấp có thẩm quyền chiến lược đầu tư dài hạn trước 10/2025* (Mục II.6.g của Kế hoạch).

- **Cơ sở thực tiễn**: ý kiến BHXH Việt Nam (Báo cáo số 4180/BC-BHXH ngày 11/12/2023) về hạn chế của giai đoạn 2016-2024 là **không có** chiến lược đầu tư dài hạn.

(4). Về quy định tại **khoản 3** “*phù hợp với nghĩa vụ chi trả của từng quỹ thành phần*” là do Quỹ hưu trí, từ tuất là quỹ phải thực hiện nghĩa vụ chi trả trong tương lai; Quỹ BHYT và quỹ BHTN thu và chi chủ yếu trong hiện tại.

Điều 4. Danh mục đầu tư và cơ cấu đầu tư

(1). Quy định tại Khoản 1 về đầu tư ở thị trường trong nước nghĩa là việc đầu tư ở thị trường trong nước được thực hiện ngay khi Nghị định có hiệu lực thi hành; **đồng thời** quy định tại Khoản 3 về đầu tư ở thị trường quốc tế là trái phiếu Chính phủ đáp ứng được nhiệm vụ giao cho Chính phủ tại khoản 4 Điều 122 Luật BHXH 2024 về việc “*quy định lộ trình đa dạng hóa*”.

- Quy định tại khoản 1 về “**thứ tự ưu tiên**” (**giữ nguyên** như quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP) đối với 05 loại tài sản, **đồng thời** quy định tại khoản 3 về đầu tư ở thị trường quốc tế đối với trái phiếu Chính phủ đáp ứng được nhiệm vụ giao cho Chính phủ tại khoản 4 Điều 122 Luật BHXH 2024 về việc “*quy định tiêu chí danh mục đầu tư*”.

- Nghị định số 30/2016/NĐ-CP đã quy định về 03 hình thức đầu tư từ **quỹ BHTN theo quy định của Luật Việc làm** khác với các hình thức đầu tư từ quỹ BHXH, quỹ BHYT: **Điều 7** “Cho ngân sách nhà nước (NSNN) vay”; **Điều 10** về “Mua trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội phát hành”; **Điều 11** “Đầu tư vào các dự án quan trọng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (TTCPg)”.

Tại Báo cáo số 4182/BC-BHXH ngày 11/12/2023, BHXH Việt Nam báo cáo giai đoạn 2016-2024: hình thức **cho NSNN vay** theo **Điều 10** được chuyển thành hình thức **mua trái phiếu Chính phủ** theo **Điều 6**; **chưa thực hiện** theo **Điều 10**; **thực hiện duy nhất** đầu tư vào Dự án Thủy điện Lai Châu (giai đoạn 2011-2017) theo **Điều 11** với tổng vốn đầu tư là 6.000 tỷ đồng dưới hình thức cho vay ủy thác qua ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam; đến nay đã hoàn tất việc thanh toán gốc và lãi.

Do vậy, cơ quan soạn thảo **bỏ để không quy định** nội dung về cho NSNN vay; đầu tư vào các dự án quan trọng theo quyết định của TTCPg trong dự thảo Nghị định mới. *Theo đó, các hình thức đầu tư được đề xuất như nêu trên.*

(2). Khoản 2 kế thừa nguyên trạng khoản 2 Điều 4 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP về việc chỉ dùng **quỹ BHXTN** (tổng mức tối đa 20%) mua trái phiếu của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội;

(3). Khoản 3 chỉ quy định đầu tư từ **quỹ BHXH** (là quỹ dài hạn) tại thị trường quốc tế, **không quy định** đầu tư từ quỹ BHYT, BHTN (là các quỹ ngắn hạn) đáp ứng được nhiệm vụ giao cho Chính phủ tại khoản 4 Điều 122 Luật BHXH 2024 về việc “*quy định lộ trình đa dạng hóa và tiêu chí danh mục đầu tư*”.

Quy định trong khoản 3 nội dung mang tính nguyên tắc “*Căn cứ chiến lược đầu tư dài hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu, khả năng đầu tư của BHXH Việt Nam, BHXH Việt Nam xây dựng phương án đầu tư quỹ BHXH tại thị trường quốc tế (bao gồm thời điểm thực hiện; danh mục đầu tư; cách thức đầu tư) trong phương án đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN hàng*

năm trình HĐQT BHXH thông qua để tổ chức thực hiện, phù hợp với năng lực và cơ sở vật chất của tổ chức đầu tư thuộc BHXH Việt Nam”.

Theo đó không quy định riêng một Điều trong dự thảo Nghị định về **“Mua trái phiếu Chính phủ tại thị trường quốc tế”**.

(4). Khoản 4 quy định đầu tư đa dạng các kỳ hạn công cụ nợ của Chính phủ từ 5-30 năm, nhằm hỗ trợ xây dựng cơ cấu danh mục công cụ nợ của Chính phủ an toàn, bền vững và góp phần phát triển thị trường trái phiếu chính phủ, tăng khả năng huy động vốn cho NSNN (tập trung cho giai đoạn 2025-2035, trong đó có nội dung về huy động vốn cho các dự án đường sắt tốc độ cao trục Bắc – Nam, đường sắt đô thị tại Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh – dự kiến tổng nhu cầu vốn của NSTW cho các dự án này trong giai đoạn 2026-2030 khoảng 1.061.000 tỷ đồng, giai đoạn 2031 – 2035 khoảng 1.026.000 tỷ đồng; ngoài ra, dự kiến còn cần bố trí vốn để triển khai các dự án giao thông vận tải khác khoảng 802.000 tỷ đồng trong giai đoạn 2026 – 2030).

Điều 5. Phương thức đầu tư

(1). Khoản 1 quy định về “ủy thác đầu tư” phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 20 Luật BHXH 2024 về Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT BHXH Việt Nam.

(2). Khoản 2 quy định về “ủy thác đầu tư”, “tự đầu tư” đáp ứng được quy định tại khoản 4 Điều 122 Luật BHXH 2024 về việc “*Chính phủ quy định lộ trình đa dạng hóa, tiêu chí danh mục đầu tư, phương thức đầu tư*”, phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 20 Luật BHXH 2024.

(3). Khoản 3 phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 20 Luật BHXH 2024.

(4). Việc quy định về phương thức đầu tư như nêu trên giải đáp được ý kiến BHXH Việt Nam tại Báo cáo số 4182/BC-BHXH ngày 11/12/2023 về hạn chế của giai đoạn 2016-2024 về việc Luật BHXH năm 2014, Luật Việc làm chưa quy định việc ủy thác đầu tư nên chưa có căn cứ pháp lý để triển khai thực hiện.

Điều 6. Xây dựng phương án đầu tư

(1). Điều 6 kế thừa nội dung Điều 5 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP.

(2). Bỏ “~~nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư~~” trong khoản 3 Điều 6 nêu trên như kiến nghị của BHXH Việt Nam tại trang 9 (điểm “2.c). Thứ hai”) Báo cáo số 4182/BC-BHXH ngày 11/12/2023 “*quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP về việc điều chỉnh hoặc bổ sung phương án đầu tư quỹ trong trường hợp “nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư” là chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, đặc biệt từ khi BHXH Việt Nam thực hiện đầu tư theo từng quỹ. Lý do: Phương án đầu tư được xây dựng hàng năm, trên cơ sở số liệu thu chi và lãi suất đầu tư dự kiến. Tuy nhiên thực tế triển khai cho thấy số liệu thu, chi của từng quỹ, tình thanh khoản của thị trường, lãi suất đầu tư biến động (tăng, giảm), một số khoản chi trả đột xuất khó dự báo (ốm đau, thai sản, khám chữa bệnh BHYT, số chi BHXH 1 lần...) có thể ảnh hưởng đến Phương án đầu tư (hiệu quả đầu tư, số tiền đầu tư, hình thức đầu tư, cơ cấu đầu tư...)*” và đề

xuất sửa đổi tại trang 13 (nội dung dấu (-) đầu tiên) Báo cáo số 4182/BC-BHXH ngày 11/12/2023.

(3). BHXH Việt Nam (Báo cáo số 4182/BC-BHXH ngày 11/12/2023) đề nghị quy định chi tiết căn cứ xác định cơ cấu đầu tư để BHXH Việt Nam có đầy đủ tính pháp lý triển khai thực hiện.

Ý kiến của cơ quan soạn thảo:

- Quy định như ý kiến BHXH Việt Nam sẽ không phù hợp thực tế do sự biến động của thị trường tài chính trong và ngoài nước (lãi suất TPCP, trái phiếu chính quyền địa phương thay đổi),...; nếu quy định trong Nghị định sẽ không kịp thời điều chỉnh được.

- Phương án đầu tư hàng năm là do BHXH Việt Nam xây dựng trình HĐQT BHXH thông qua (Khoản 4.c Điều 20 Luật BHXH 2024).

Việc xác định cơ cấu đầu tư để xây dựng phương án đầu tư hàng năm **do BHXH Việt Nam xác định trình HĐQT BHXH** như đã đề xuất tại khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị định. BHXH Việt Nam là đơn vị trực tiếp thực hiện hoạt động đầu tư, do vậy cần thiết căn cứ (1) tình hình thu, chi quỹ BHXH, BHYT, BHTN hàng năm và danh mục đầu tư quy định tại Điều 4 dự thảo Nghị định – *đã quy định tại khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định*; và (2) thực tế hoạt động đầu tư của BHXH Việt Nam thực hiện; (3) dự báo các yếu tố biến động của thị trường để đề xuất phương án đầu tư hàng năm.

Do vậy, Nghị định không quy định như đề xuất của BHXH Việt Nam mà kế thừa các quy định tại Điều 5 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP.

Điều 7. Mua công cụ nợ của Chính phủ và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước

Điều 7 kế thừa nội dung Điều 6 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP. Các thuật ngữ quy định tại **Điều 7** nêu trên bảo đảm thống nhất với thuật ngữ quy định tại Luật BHXH 2024 (Khoản 1 Điều 122), Luật quản lý nợ công (Điều 27), Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 05/01/2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương, Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 của Chính phủ quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán và Nghị định số 83/2023/NĐ-CP ngày 29/11/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2018/NĐ-CP.

Điều 8. Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại (NHTM) nhà nước và NHTM cổ phần có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ, trong đó không thực hiện đầu tư tại các NHTM đang được kiểm soát đặc biệt

(1). **Điều 8** và **Điều 9** quy định theo Luật BHXH 2024 là các NHTM nhà nước và NHTM cổ phần có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ, **không quy định** theo quy định tại Luật BHXH 2014 “*NHTM có chất lượng hoạt động tốt theo xếp loại tín nhiệm của Ngân hàng nhà nước Việt Nam*” nên đã giải quyết được vướng mắc của giai đoạn 2016-2024 liên quan xếp hạng tín nhiệm như ý kiến BHXH Việt Nam.

(2). Khoản 1 quy định về việc BHXH Việt Nam ban hành quy chế quản lý tiền gửi được HĐQL thông qua.

Theo đó việc quy định HĐQL BHXH thông qua quy chế phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 20 Luật BHXH 2024¹ về “Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của HĐQL” trong việc **thông qua** các nội dung liên quan đến hoạt động của BHXH Việt Nam.

(3). Khoản 2 (*gộp khoản 2, khoản 3 của Nghị định số 30/2016/NĐ-CP*) **giao** TGD BHXH Việt Nam quyết định *mức gửi tiền tại các NHTM, thời hạn gửi tiền, không* quy định chi tiết như Nghị định số 30/2016/NĐ-CP trước đây.

(4). Khoản 3 **kế thừa** các quy định tại khoản 4 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP và bổ sung nội dung “*Khi ký hợp đồng gửi tiền, BHXH Việt Nam có trách nhiệm ký thỏa thuận với NHTM về việc xử lý khi NHTM chậm thanh toán số tiền lãi hoặc tiền gốc.*”

Điều 9. Mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi của các NHTM nhà nước và NHTM cổ phần có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ, trong đó không thực hiện đầu tư tại các NHTM đang được kiểm soát đặc biệt

(1). Điều 9 kế thừa nội dung Điều 9 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP.

(2). Khoản 3 Điều 9 về lãi suất Quy định theo đề xuất của BHXH Việt Nam (trang 13 Báo cáo số 4182/BC-BHXH ngày 11/12/2023) đề xử lý các vướng mắc (Thứ ba) nêu tại trang 7 Báo cáo số 4182/BC-BHXH ngày 11/12/2023.

Điều 10. Mua trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội phát hành

Điều 10 giữ nguyên quy định tại Nghị định số 30/2016/NĐ-CP.

Điều 11. Sử dụng tiền sinh lời của hoạt động đầu tư

Báo cáo số 4182/BC-BHXH ngày 11/12/2023 của BHXH Việt Nam đề xuất **các nguyên tắc** trong việc sửa đổi Điều 12 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP về sử dụng tiền sinh lời của hoạt động đầu tư, gồm:

- Khoản 1 quy định về tiền sinh lời của hoạt động đầu tư được bổ sung về từng quỹ bảo hiểm tương ứng với gốc đầu tư ngay từ khi thu được lãi để quản lý đầu tư và hạch toán độc lập các quỹ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của Luật BHXH 2024, phù hợp với trách nhiệm chi trả và tính chất đặc thù của từng quỹ.

- Khoản 2 quy định về trích lập bổ sung quỹ dự phòng rủi ro.

Tuy nhiên, BHXH Việt Nam không đề xuất nội dung chi tiết.

¹ 4. Thông qua các nội dung sau đây:

a) Đề án, phương án bảo toàn và tăng trưởng các quỹ BHXH, quỹ BHTN, quỹ BHYT;

b) Dự toán hằng năm về thu, chi các quỹ BHXH, quỹ BHTN, quỹ BHYT; mức chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT; báo cáo quyết toán về chi tổ chức và hoạt động BHXH; chiến lược đầu tư dài hạn trước khi cơ quan BHXH trình cơ quan có thẩm quyền;

c) Phương án đầu tư hằng năm.

Do vậy, **Điều 11 dự thảo Nghị định** giữ nguyên như quy định tại Điều 12 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP.

Điều 12. Xử lý rủi ro trong hoạt động đầu tư

Báo cáo số 4182/BC-BHXH ngày 11/12/2023 của BHXH Việt Nam không đề xuất nội dung Điều này.

Do vậy, **Điều 12 dự thảo Nghị định** giữ nguyên như quy định tại Điều 13 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP.

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

Báo cáo số 4182/BC-BHXH ngày 11/12/2023 của BHXH Việt Nam không đề xuất nội dung Điều này.

Do vậy, **Điều 13 dự thảo Nghị định** giữ nguyên như quy định tại Điều 13 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP, *thay đổi thời điểm 01/01/2016 thành 01/7/2025 cho phù hợp với thời điểm có hiệu lực của văn bản.*

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Điều 14 dự thảo Nghị định quy định về thời điểm có hiệu lực của văn bản kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và quy định việc bãi bỏ Nghị định số 30/2016/NĐ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

Điều 15 dự thảo Nghị định giữ nguyên như quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP về trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Điều 17 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP về trách nhiệm của các cơ quan có liên quan như nêu trên.

**BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 30/2016/NĐ-CP VÀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH
THUYẾT MINH CHI TIẾT CỦA CƠ QUAN SOẠN THẢO VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

S TT	Nghị định số 30/2016/NĐ-CP ngày 28/4/2016	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh của cơ quan soạn thảo
1	<p>Tên Nghị định Nghị định quy định chi tiết hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp</p>	<p>Nghị định quy định chi tiết hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp</p>	<p>Căn cứ ban hành Nghị định bao gồm Luật Tổ chức Chính phủ, Luật BHXH 2024, Luật BHYT và Luật Việc làm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật BHXH 2024 quy định Bộ Tài chính “5. Trình Chính phủ quy định về hoạt động đầu tư quỹ BHXH” (Khoản 5 Điều 137); - Luật BHYT quy định “2. Số tiền tạm thời nhàn rỗi của quỹ BHYT được sử dụng để đầu tư theo các hình thức quy định của Luật BHXH” (Khoản 2 Điều 35); - Luật Việc làm số 38/2013/QH13 quy định về việc sử dụng quỹ BHTN “Đầu tư để bảo toàn và tăng trưởng Quỹ” (Điểm g khoản 3 Điều 57); về “các hình thức đầu tư quỹ BHTN” (khoản 2 Điều 59). <p>Do vậy, cơ quan soạn thảo xác định phạm vi điều chỉnh là hoạt động đầu tư từ 03 quỹ: quỹ BHXH, quỹ BHYT, quỹ BHTN và tên gọi của Nghị định là “Nghị định quy định chi tiết hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp” như tên của Nghị định số 30/2016/NĐ-CP.</p>
2	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định chi tiết hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN do BHXH Việt Nam quản lý.</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định chi tiết hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN do BHXH Việt Nam quản lý.</p>	<p>Điều 1 giữ nguyên như Điều 1 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP trên cơ sở giữ nguyên tên của Nghị định (<i>như nêu trên</i>).</p>
3	<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng Nghị định này được áp dụng đối</p>	<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng Nghị định này được áp dụng đối</p>	<p>Điều 2 <u>giữ nguyên</u> như Điều 2 Nghị định số</p>

	với BHXH Việt Nam, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN.	với BHXH Việt Nam, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN.	30/2016/NĐ-CP.
4	<p>Điều 3. Nguyên tắc đầu tư</p> <p>Hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN phải bảo đảm minh bạch, an toàn, hiệu quả và thu hồi được vốn đầu tư.</p>	<p>Điều 3. Nguyên tắc đầu tư</p> <p>1. Hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN phải bảo đảm <u>minh bạch</u>, an toàn, bền vững, hiệu quả và <u>thu hồi được vốn đầu tư</u>.</p> <p>2. Từng bước đa dạng hóa danh mục đầu tư, cơ cấu và phương thức đầu tư phù hợp với năng lực và cơ sở vật chất của tổ chức đầu tư quỹ BHXH, BHYT, BHTN.</p> <p>3. Hoạt động đầu tư thực hiện theo chiến lược đầu tư dài hạn do cấp có thẩm quyền phê duyệt trong từng thời kỳ và phương án đầu tư hằng năm do HĐQT BHXH thông qua trên cơ sở đề xuất của BHXH Việt Nam phù hợp với nghĩa vụ chi trả của từng quỹ thành phần.</p>	<p>1. Khoản 1 quy định theo khoản 1 Điều 121 Luật BHXH 2024 và giữ nguyên các thuật ngữ được <u>gạch chân</u> như đã quy định tại Nghị định số 30/2016/NĐ-CP.</p> <p>2. Khoản 2 quy định theo khoản 2 Điều 121 Luật BHXH 2024 và bổ sung “Từng bước” để cụ thể hóa, thể hiện lộ trình thực hiện, đáp ứng được nhiệm vụ giao cho Chính phủ tại khoản 4 Điều 122 Luật BHXH 2024 về việc “<i>quy định lộ trình đa dạng hóa</i>”.</p> <p>3. Về quy định tại khoản 3 “cấp có thẩm quyền phê duyệt chiến lược đầu tư dài hạn”:</p> <p>- Cơ sở pháp lý (i) Điểm b khoản 4 Điều 20 Luật BHXH 2024 “<i>HĐQL BHXH thông qua chiến lược đầu tư dài hạn...</i>”; (ii) Quyết định số 1370/QĐ-TTg ngày 12/11/2024 của TTCP ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật BHXH (Mục II.6.g của Kế hoạch) <i>giao BHXH Việt Nam xây dựng và trình cấp có thẩm quyền chiến lược đầu tư dài hạn trước 10/2025</i>.</p> <p>- Cơ sở thực tiễn: Báo cáo số 4180/BC-BHXH của BHXH Việt Nam: hạn chế của giai đoạn 2016-2024 là không có chiến lược đầu tư dài hạn.</p> <p>(4). Về quy định tại khoản 3 “<i>phù hợp với nghĩa vụ chi trả của từng quỹ thành phần</i>” là do Quỹ hưu trí, tử tuất là quỹ phải thực hiện nghĩa vụ chi trả trong tương lai; Quỹ BHYT và quỹ BHTN thu và chi chủ yếu trong hiện tại.</p>

5	<p>Điều 4. Các hình thức đầu tư</p> <p>1. Hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN được thực hiện thông qua các hình thức theo thứ tự ưu tiên như sau:</p> <p>a) Mua trái phiếu Chính phủ;</p> <p>b) Cho ngân sách nhà nước vay;</p> <p>c) Gửi tiền; mua trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi tại các NHTM có chất lượng hoạt động tốt theo xếp loại tín nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;</p> <p>d) Cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội vay theo hình thức mua trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do các ngân hàng này phát hành;</p> <p>đ) Đầu tư vào các dự án quan trọng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.</p>	<p>Điều 4. Danh mục đầu tư và cơ cấu đầu tư</p> <p>1. Hoạt động đầu tư của quỹ BHXH, BHYT, BHTN tại thị trường trong nước theo thứ tự ưu tiên như sau:</p> <p>a) Mua trái phiếu Chính phủ (TPCP), tín phiếu Kho bạc, công trái xây dựng Tổ quốc;</p> <p>b) Mua trái phiếu chính quyền địa phương;</p> <p>c) Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại (NHTM) nhà nước và NHTM cổ phần có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ; không thực hiện đầu tư tại các NHTM đang được kiểm soát đặc biệt;</p> <p>d) Mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi của các NHTM nhà nước và NHTM cổ phần có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ, không thực hiện đầu tư tại các NHTM đang được kiểm soát đặc biệt;</p> <p>đ) Mua trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội phát hành.</p>	<p>1. Quy định tại Khoản 1 về đầu tư ở thị trường trong nước nghĩa là việc đầu tư ở thị trường trong nước được thực hiện ngay khi Nghị định có hiệu lực thi hành; đồng thời quy định tại Khoản 3 về đầu tư ở thị trường quốc tế là trái phiếu Chính phủ đáp ứng được nhiệm vụ giao cho Chính phủ tại khoản 4 Điều 122 Luật BHXH 2024 về việc “<i>quy định lộ trình đa dạng hóa</i>”.</p> <p>- Quy định tại khoản 1 về “thứ tự ưu tiên” (giữ nguyên như quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP) đối với 05 loại tài sản, đồng thời quy định tại khoản 3 về đầu tư ở thị trường quốc tế đối với trái phiếu Chính phủ đáp ứng được nhiệm vụ giao cho Chính phủ tại khoản 4 Điều 122 Luật BHXH 2024 về việc “<i>quy định tiêu chí danh mục đầu tư</i>”.</p> <p>- Nghị định số 30/2016/NĐ-CP quy định về 03 hình thức đầu tư từ quỹ BHTN theo quy định của Luật Việc làm khác với các hình thức đầu tư từ quỹ BHXH, quỹ BHYT: Điều 7 “Cho ngân sách nhà nước (NSNN) vay”; Điều 10 về “Mua trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội phát hành”; Điều 11 “Đầu tư vào các dự án quan trọng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (TTCPg)”.</p> <p>Tại Báo cáo số 4182/BC-BHXH ngày 11/12/2023, BHXH Việt Nam báo cáo giai đoạn 2016-2024: hình thức cho NSNN vay theo Điều 10 được chuyển thành hình thức mua trái phiếu Chính phủ theo Điều 6; chưa thực hiện theo Điều 10; thực hiện duy nhất</p>
---	---	---	---

<p>2. Việc đầu tư vào hai hình thức quy định tại Điểm d và Điểm đ Khoản 1 Điều này chỉ áp dụng đối với quỹ BHTN; số tiền đầu tư vào hai hình thức này không được vượt quá 20% số dư quỹ BHTN của năm trước liền kề.</p> <p>3. HĐQT BHHX Việt Nam quyết định và chịu trách nhiệm trước Chính phủ về các hình thức đầu tư và cơ cấu đầu tư của các quỹ BHHX, BHYT, BHTN trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc BHHX Việt Nam.</p>	<p>2. Việc đầu tư vào hình thức quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều này chỉ áp dụng đối với quỹ BHTN; số tiền đầu tư vào hình thức này không được vượt quá 20% số dư quỹ BHTN của năm trước liền kề.</p> <p>3. Hoạt động đầu tư của quỹ BHHX tại thị trường quốc tế là TPCP. Căn cứ chiến lược đầu tư dài hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu, khả năng đầu tư của BHHX Việt Nam, BHHX Việt Nam xây dựng phương án đầu tư quỹ BHHX tại thị trường quốc tế (bao gồm thời điểm thực hiện; danh mục đầu tư; cách thức đầu tư) trong phương án đầu tư từ quỹ BHHX, BHYT, BHTN hàng năm trình HĐQT BHHX thông qua đề tồ</p>	<p>đầu tư vào Dự án Thủy điện Lai Châu (giai đoạn 2011-2017) theo Điều 11 với tổng vốn đầu tư là 6.000 tỷ đồng dưới hình thức cho vay ủy thác qua ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam; đến nay đã hoàn tất việc thanh toán gốc và lãi.</p> <p>Do vậy, cơ quan soạn thảo bỏ để không quy định nội dung về cho NSNN vay; đầu tư vào các dự án quan trọng theo quyết định của TTCPg trong dự thảo Nghị định mới. <i>Theo đó, các hình thức đầu tư được đề xuất như nêu trên.</i></p> <p>2. Khoản 2 kế thừa nguyên trạng khoản 2 Điều 4 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP về việc chi dùng quỹ BHHX (tổng mức tối đa 20%) mua trái phiếu của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội;</p> <p>3. Khoản 3 chỉ quy định đầu tư từ quỹ BHHX (là quỹ dài hạn) tại thị trường quốc tế, không quy định đầu tư từ quỹ BHYT, BHTN (là các quỹ ngắn hạn) đáp ứng được nhiệm vụ giao cho Chính phủ tại khoản 4 Điều 122 Luật BHHX 2024 về việc “<i>quy định lộ trình đa dạng hóa và tiêu chí danh mục đầu tư</i>”.</p> <p>Quy định trong khoản 3 nội dung mang tính nguyên tắc “<i>Căn cứ chiến lược đầu tư dài hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu, khả năng đầu tư của BHHX Việt Nam, BHHX Việt Nam xây dựng phương án đầu tư quỹ BHHX tại thị trường quốc tế (bao gồm thời điểm thực hiện; danh mục đầu tư; cách thức đầu tư) trong phương án đầu tư từ quỹ BHHX, BHYT, BHTN hàng năm trình HĐQT BHHX thông</i></p>
--	--	--

chức thực hiện, phù hợp với năng lực và cơ sở vật chất của tổ chức đầu tư thuộc BHXH Việt Nam.

4. Cơ cấu đầu tư

a) Giai đoạn 2025 – 2035 đầu tư vào TPCP ở thị trường trong nước quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, trong đó ưu tiên đối với trái phiếu của Chính phủ Việt Nam, tín phiếu Kho bạc Nhà nước, công trái xây dựng Tổ quốc, trái phiếu chính quyền địa phương có **kỳ hạn từ 5 năm đến 30 năm**; tiếp tục đầu tư vào các danh mục đầu tư khác quy định tại khoản 1 Điều này theo tỷ trọng do BHXH Việt Nam quyết định cụ thể trong phương án đầu tư hàng năm trình HĐQT BHXH thông qua; đồng thời điều chỉnh phù hợp với Chiến lược đầu tư dài hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Giai đoạn từ năm 2036 trở đi điều chỉnh cơ cấu đầu tư phù hợp với Chiến lược đầu tư dài hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tỷ trọng các tài sản trong danh mục đầu tư do BHXH Việt Nam quyết

qua để tổ chức thực hiện, phù hợp với năng lực và cơ sở vật chất của tổ chức đầu tư thuộc BHXH Việt Nam”.

Theo đó **không** quy định riêng một Điều trong dự thảo Nghị định về “Mua trái phiếu Chính phủ tại thị trường quốc tế”.

4. Khoản 4 quy định *đầu tư đa dạng các kỳ hạn công cụ nợ của Chính phủ từ 5-30 năm, nhằm hỗ trợ xây dựng cơ cấu danh mục công cụ nợ của Chính phủ an toàn, bền vững và góp phần phát triển thị trường trái phiếu chính phủ, tăng khả năng huy động vốn cho NSNN (tập trung cho giai đoạn 2025-2035, trong đó có nội dung về huy động vốn cho các dự án đường sắt tốc độ cao trục Bắc – Nam, đường sắt đô thị tại Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh – dự kiến tổng nhu cầu vốn của NSTW cho các dự án này trong giai đoạn 2026-2030 khoảng 1.061.000 tỷ đồng, giai đoạn 2031 – 2035 khoảng 1.026.000 tỷ đồng; ngoài ra, dự kiến còn cần bố trí vốn để triển khai các dự án giao thông vận tải khác khoảng 802.000 tỷ đồng trong giai đoạn 2026 – 2030).*

		<p>định cụ thể trong phương án đầu tư hàng năm trình HĐQT BHXH thông qua; đồng thời điều chỉnh phù hợp với Chiến lược đầu tư dài hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>c) HĐQT BHXH Việt Nam quyết định và chịu trách nhiệm trước Chính phủ về danh mục đầu tư, cơ cấu đầu tư cụ thể của các quỹ BHXH, BHYT, BHTN trên cơ sở đề nghị của cơ quan BHXH.</p>	
6		<p>Điều 5. Phương thức đầu tư</p> <p>1. Hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN tại thị trường trong nước bằng phương thức tự đầu tư do tổ chức đầu tư quỹ BHXH thuộc BHXH Việt Nam thực hiện. Trường hợp cần thiết, BHXH Việt Nam xây dựng phương án đầu tư bằng phương thức ủy thác đầu tư trình HĐQT BHXH quyết định để tổ chức thực hiện.</p> <p>2. Hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH tại thị trường quốc tế quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này bằng phương thức ủy thác đầu tư. BHXH Việt Nam xây dựng phương án về phương thức ủy thác đầu tư trình HĐQT BHXH Việt Nam quyết định để thực hiện.</p>	<p>1. Khoản 1 quy định về “ủy thác đầu tư” phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 20 Luật BHXH 2024 về Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT BHXH Việt Nam.</p> <p>2. Khoản 2 quy định về “ủy thác đầu tư”, “tự đầu tư” đáp ứng được quy định tại khoản 4 Điều 122 Luật BHXH 2024 về việc “<i>Chính phủ quy định lộ trình đa dạng hóa, tiêu chí danh mục đầu tư, phương thức đầu tư</i>”, phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 20 Luật BHXH 2024.</p>

		<p>Trường hợp năng lực và cơ sở vật chất của tổ chức đầu tư quỹ BHXH thuộc BHXH Việt Nam Việt Nam đáp ứng được yêu cầu tự đầu tư ở thị trường quốc tế, BHXH Việt Nam Việt Nam xây dựng phương án đầu tư bằng phương thức tự đầu tư trình HĐQT BHXH Việt Nam quyết định để tổ chức thực hiện.</p> <p>3. HĐQT Việt Nam chịu trách nhiệm trước Chính phủ về phương thức đầu tư cụ thể.</p>	<p>3. Khoản 3 phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 20 Luật BHXH 2024.</p> <p>4. Việc quy định về phương thức đầu tư như nêu trên giải đáp được ý kiến BHXH Việt Nam tại Báo cáo số 4182/BC-BHXH ngày 11/12/2023 về hạn chế của giai đoạn 2016-2024 về việc Luật BHXH năm 2014, Luật Việc làm chưa quy định việc ủy thác đầu tư nên chưa có căn cứ pháp lý để triển khai thực hiện.</p>
7	<p>Điều 5. Xây dựng phương án đầu tư</p> <p>1. Căn cứ tình hình thu, chi quỹ BHXH, BHYT, BHTN hằng năm và các hình thức đầu tư quy định tại Điều 4 Nghị định này, BHXH Việt Nam xây dựng phương án đầu tư trình HĐQT BHXH Việt Nam thông qua.</p> <p>2. Phương án đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN được xây dựng cùng với việc lập dự toán thu, chi và tổng hợp trong dự toán thu, chi</p>	<p>Điều 6. Xây dựng phương án đầu tư</p> <p>1. Căn cứ tình hình thu, chi quỹ BHXH, BHYT, BHTN hằng năm và danh mục đầu tư quy định tại Điều 4 Nghị định này, BHXH Việt Nam xây dựng phương án đầu tư trình HĐQT BHXH Việt Nam thông qua.</p> <p>2. Phương án đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN được xây dựng cùng với việc lập dự toán thu, chi và tổng hợp trong dự toán thu, chi</p>	<p>1. Điều 6 kế thừa nội dung Điều 5 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP.</p> <p>2. Bỏ “nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư” trong khoản 3 Điều 6 nêu trên như kiến nghị của BHXH Việt Nam tại trang 9 (điểm “2.c). Thứ hai”) Báo cáo số 4182/BC-BHXH ngày 11/12/2023 “<i>quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP về việc điều chỉnh hoặc bổ sung phương án đầu tư quỹ trong trường hợp “nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư” là chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, đặc biệt từ khi BHXH Việt Nam thực hiện đầu tư theo từng quỹ. Lý do: Phương án đầu tư được xây dựng hàng năm, trên cơ sở số liệu thu chi và lãi suất đầu tư dự kiến. Tuy</i></p>

<p>hàng năm của BHXH Việt Nam, nội dung gồm:</p> <p>a) Đánh giá tình hình thực hiện hoạt động đầu tư năm trước, ước thực hiện năm nay, chi tiết theo từng hình thức đầu tư, gồm các chỉ tiêu: Số dư nợ đầu tư, số tiền đầu tư, số tiền thu hồi (tiền gốc, lãi), mức lãi suất đầu tư;</p> <p>b) Dự kiến đầu tư trong năm kế hoạch, gồm các chỉ tiêu: tổng số tiền sử dụng đầu tư, các hình thức đầu tư, cơ cấu đầu tư, thời hạn đầu tư, mức lãi suất đầu tư, số tiền thu hồi (tiền gốc, lãi), số dư nợ đầu tư cuối năm.</p> <p>3. BHXH Việt Nam thực hiện đầu tư phải theo đúng hình thức đầu tư, cơ cấu đầu tư, phương thức đầu tư quy định tại Nghị định này và phương án đầu tư đã được HĐQT BHXH Việt Nam thông qua. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu xét thấy cần thiết phải điều chỉnh hoặc bổ sung phương án đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư BHXH Việt Nam báo cáo HĐQT xem xét, quyết định.</p>	<p>hàng năm của BHXH Việt Nam, nội dung gồm:</p> <p>a) Đánh giá tình hình thực hiện hoạt động đầu tư năm trước, ước thực hiện năm nay, chi tiết theo từng danh mục đầu tư, gồm các chỉ tiêu: Số dư nợ đầu tư, số tiền đầu tư, số tiền thu hồi (tiền gốc, lãi), mức lãi suất đầu tư;</p> <p>b) Dự kiến đầu tư trong năm kế hoạch, gồm các chỉ tiêu: Tổng số tiền sử dụng đầu tư, các danh mục đầu tư, cơ cấu đầu tư, thời hạn đầu tư, mức lãi suất đầu tư, số tiền thu hồi (tiền gốc, lãi), số dư nợ đầu tư cuối năm.</p> <p>3. BHXH Việt Nam thực hiện đầu tư phải theo đúng danh mục đầu tư, cơ cấu đầu tư, phương thức đầu tư quy định tại Nghị định này và phương thức đầu tư, phương án đầu tư đã được HĐQT BHXH Việt Nam thông qua. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu xét thấy cần thiết phải điều chỉnh hoặc bổ sung phương án đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, BHXH Việt Nam báo cáo HĐQT xem xét, quyết định.</p>	<p><i>nhiên thực tế triển khai cho thấy số liệu thu, chi của từng quỹ, tình thanh khoản của thị trường, lãi suất đầu tư biến động (tăng, giảm), một số khoản chi trả đột xuất khó dự báo (ốm đau, thai sản, khám chữa bệnh BHYT, số chi BHXH 1 lần...) có thể ảnh hưởng đến Phương án đầu tư (hiệu quả đầu tư, số tiền đầu tư, hình thức đầu tư, cơ cấu đầu tư...)" và đề xuất sửa đổi tại trang 13 (nội dung dấu (-) đầu tiên) Báo cáo số 4182/BC-BHXH ngày 11/12/2023.</i></p> <p>3. BHXH Việt Nam (Báo cáo số 4182/BC-BHXH ngày 11/12/2023) đề nghị quy định chi tiết căn cứ xác định cơ cấu đầu tư để BHXH Việt Nam có đầy đủ tính pháp lý triển khai thực hiện.</p> <p>Ý kiến của cơ quan soạn thảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy định như ý kiến BHXH Việt Nam sẽ không phù hợp thực tế do sự biến động của thị trường tài chính trong và ngoài nước (lãi suất TPCP, trái phiếu chính quyền địa phương thay đổi),...; nếu quy định trong Nghị định sẽ không kịp thời điều chỉnh được. - Phương án đầu tư hàng năm là do BHXH Việt Nam xây dựng trình HĐQT BHXH thông qua (Khoản 4.c Điều 20 Luật BHXH 2024). <p>Việc xác định cơ cấu đầu tư để xây dựng phương án đầu tư hàng năm <u>do BHXH Việt Nam xác định trình HĐQT BHXH</u> như đã đề xuất tại khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị định. BHXH Việt Nam là đơn vị trực tiếp thực hiện hoạt động đầu tư, do vậy cần thiết căn cứ (1) tình hình thu, chi quỹ BHXH, BHYT, BHTN hàng năm và danh mục đầu tư quy định tại Điều 4 dự thảo Nghị định – <i>đã quy định tại khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định</i>; và (2) thực tế hoạt động đầu tư của</p>
--	---	---

			<p>BHXX Việt Nam thực hiện; (3) dự báo các yếu tố biến động của thị trường để đề xuất phương án đầu tư hàng năm.</p> <p>Do vậy, Nghị định không quy định như đề xuất của BHXX Việt Nam mà kế thừa các quy định tại Điều 5 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP.</p>
8	<p>Điều 6. Mua trái phiếu Chính phủ (TPCP)</p> <p>1. TPCP được mua bao gồm các loại tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, công trái xây dựng Tổ quốc do Bộ Tài chính phát hành tại thị trường trong nước và theo các hình thức sau:</p> <p>a) Mua trái phiếu từ Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu tại thị trường trong nước;</p> <p>b) Mua TPCP từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về giao dịch trái phiếu Chính phủ.</p>	<p>Điều 7. Mua công cụ nợ của Chính phủ và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước</p> <p>1. Công cụ nợ của Chính phủ được mua bao gồm TPCP, tín phiếu Kho bạc, công trái xây dựng Tổ quốc do Bộ Tài chính tổ chức phát hành tại thị trường trong nước; trái phiếu chính quyền địa phương do UBND cấp tỉnh phát hành. Các hình thức mua công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương gồm:</p> <p>a) Mua công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu tại thị trường trong nước;</p> <p>b) Mua trái phiếu chính quyền địa phương do UBND cấp tỉnh phát hành theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu tại thị trường trong nước;</p> <p>c) Mua công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương</p>	<p>Điều 7 kế thừa nội dung Điều 6 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP.</p> <p>Các thuật ngữ quy định tại Điều 7 nêu trên bảo đảm thống nhất với thuật ngữ quy định tại Luật BHXX 2024 (Khoản 1 Điều 122), Luật quản lý nợ công (Điều 27), Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 05/01/2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương, Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 của Chính phủ quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán và Nghị định số 83/2023/NĐ-CP ngày 29/11/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2018/NĐ-CP.</p>

<p>2. Mức mua trái phiếu do Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam quyết định căn cứ vào phương án đầu tư quỹ đã được HĐQT BHXH Việt Nam thông qua.</p> <p>3. Thời hạn đầu tư mua trái phiếu tùy thuộc vào thời hạn của từng loại TPCP cụ thể quy định tại Khoản 1 Điều này.</p> <p>4. Việc thanh toán tiền gốc, lãi TPCP khi đến hạn thực hiện theo quy định của pháp luật về phát hành TPCP tại thị trường trong nước.</p> <p>5. Trường hợp cần thiết phải bán TPCP để thu hồi vốn trước hạn, BHXH Việt Nam có văn bản nêu rõ lý do, trình HĐQT BHXH Việt Nam xem xét, quyết định.</p>	<p>từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương.</p> <p>2. Mức mua công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương do Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam quyết định căn cứ vào phương án đầu tư hàng năm đã được HĐQT BHXH Việt Nam thông qua.</p> <p>3. Thời hạn đầu tư mua công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương tùy thuộc vào thời hạn của từng loại công cụ nợ của Chính phủ cụ thể quy định tại Khoản 1 Điều này.</p> <p>4. Việc thanh toán tiền gốc, lãi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương khi đến hạn thực hiện theo quy định của pháp luật về phát hành TPCP, trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước.</p> <p>5. Trường hợp cần thiết phải bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương để thu hồi vốn trước hạn, BHXH Việt Nam có văn bản nêu rõ lý do, trình HĐQT BHXH Việt Nam xem xét, quyết định.</p>	
---	--	--

9	<p>Điều 7. Cho ngân sách nhà nước (NSNN) vay</p> <p>1. Mức cho vay do Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam quyết định căn cứ vào nhu cầu vay của NSNN và phương án đầu tư quỹ đã được HĐQT BHXH Việt Nam thông qua.</p> <p>2. Thời hạn cho vay được tính kể từ ngày cho vay đến ngày thu nợ; thời hạn cho vay cụ thể của từng khoản vay do BHXH Việt Nam và Bộ Tài chính thỏa thuận nhưng tối đa không quá 10 năm.</p> <p>3. Mức lãi suất cho vay bằng mức lãi suất phát hành TPCP có cùng kỳ hạn tại thời điểm gần nhất trong vòng 03 tháng trước thời điểm cho vay. Trường hợp trong vòng 03 tháng trước thời điểm cho vay không phát hành TPCP có cùng kỳ hạn, thì BHXH Việt Nam và Bộ Tài chính thỏa thuận mức lãi suất cho vay trên cơ sở tham khảo mức lãi suất giao dịch TPCP có kỳ hạn còn lại tương đương với kỳ hạn cho vay hoặc mức lãi suất phát hành TPCP có kỳ hạn gần với kỳ hạn cho vay tại thời điểm gần nhất.</p> <p>4. Thu hồi nợ vay:</p> <p>a) Tiền gốc được thanh toán một</p>	<p>Bổ Điều 7 của Nghị định số 30/2016/NĐ-CP, không quy định lại nội dung này trong dự thảo Nghị định.</p>	
---	--	--	--

lần khi đến hạn hoặc thanh toán trước hạn một hoặc nhiều lần và phải thanh toán đầy đủ khi đến hạn;
b) Tiền lãi được thanh toán hằng năm tính trên số dư nợ cho vay và mức lãi suất cho vay của từng hợp đồng. Thời điểm cụ thể tính lãi và thanh toán tiền lãi của từng khoản cho vay do BHXH Việt Nam và Bộ Tài chính thỏa thuận nhưng phải ghi rõ trong hợp đồng cho vay.

5. Trường hợp đến hạn trả nợ gốc, Bộ Tài chính tập trung nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ chi quan trọng, cấp bách, xử lý thiếu hụt tạm thời của NSNN, cơ cấu lại khoản nợ, danh mục nợ chính phủ và các mục đích khác nhằm bảo đảm an ninh tài chính quốc gia, nếu Bộ Tài chính có văn bản đề nghị gia hạn thời gian trả nợ gốc hoặc vay lại khoản nợ gốc, BHXH Việt Nam thực hiện như sau:

a) Trường hợp gia hạn nợ: Mỗi khoản vay chỉ được gia hạn nợ một lần, thời hạn tối đa không quá 01 năm; lãi suất cho vay tiếp tục thực hiện theo mức lãi suất của hợp đồng khi đến hạn hoặc mức lãi suất do BHXH Việt Nam và Bộ Tài chính thỏa thuận theo quy định tại

<p>Khoản 3 Điều này;</p> <p>b) Trường hợp cho vay lại: Bộ Tài chính chưa phải trả nợ gốc nhưng phải trả hết tiền lãi của hợp đồng đến hạn trả nợ, sau đó cùng BHXH Việt Nam lập lại hợp đồng cho vay theo quy định tại Khoản 6 Điều này; thời hạn cho vay ghi trong hợp đồng mới được tính từ ngày đến hạn trả nợ gốc của hợp đồng đến hạn. Căn cứ hợp đồng cho vay đến hạn và hợp đồng cho vay mới, BHXH Việt Nam hạch toán thu nợ gốc của khoản vay đến hạn và cho vay theo hợp đồng mới, Bộ Tài chính hạch toán ghi thu, ghi chi NSNN;</p> <p>c) Thủ tục gia hạn nợ, cho vay lại theo quy định tại Khoản này phải được hoàn thành trước khi đến hạn trả nợ gốc chậm nhất là 05 ngày làm việc.</p> <p>6. Việc cho NSNN vay được lập thành hợp đồng cho vay. Hợp đồng cho vay phải ghi rõ số tiền cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, thời điểm tính lãi, thời điểm thanh toán, phương thức thanh toán, quyền và trách nhiệm của các bên, thỏa thuận khác có liên quan đến việc cho vay.</p>		
--	--	--

<p>10 Điều 8. Gửi tiền tại các NHTM có chất lượng hoạt động tốt theo xếp loại tín nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</p> <p>1. Mức gửi tiền tại các NHTM do Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam quyết định căn cứ vào phương án đầu tư quỹ đã được HĐQT BHXH Việt Nam thông qua.</p> <p>2. Thời hạn gửi tiền được tính kể từ ngày gửi đến ngày thu hồi. Thời hạn cụ thể do BHXH Việt Nam lựa chọn căn cứ vào từng loại kỳ hạn gửi tiền của NHTM nhưng tối đa không quá 03 năm.</p> <p>3. Mức lãi suất gửi tiền thực hiện theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn của NHTM nhưng phải đảm bảo không thấp hơn mức trung bình lãi suất tiền gửi cùng kỳ hạn tại thời điểm gửi tiền của bốn chi nhánh trên địa bàn TP.Hà Nội thuộc bốn NHTM: NHTM cổ phần Công thương Việt</p>	<p>Điều 8. Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại (NHTM) nhà nước và NHTM cổ phần có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ, trong đó không thực hiện đầu tư tại các NHTM đang được kiểm soát đặc biệt</p> <p>1. BHXH Việt Nam gửi tiền tại các NHTM theo quy chế quản lý tiền gửi do BHXH Việt Nam ban hành sau khi được HĐQT BHXH Việt Nam thông qua.</p> <p>2. Căn cứ vào phương án đầu tư quỹ và quy chế quản lý tiền gửi đã được HĐQT BHXH Việt Nam thông qua, BHXH Việt Nam quyết định mức gửi tiền, thời hạn gửi tiền, mức lãi suất tối ưu tại các NHTM và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về hiệu quả đầu tư. Thời hạn gửi tiền cụ thể do BHXH Việt Nam lựa chọn căn cứ vào từng loại kỳ hạn gửi tiền của NHTM nhưng tối đa không quá 03 năm.</p>	<p>Điều 8 và Điều 9 quy định theo Luật BHXH 2024 là các NHTM nhà nước và NHTM cổ phần có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ, không quy định theo quy định tại Luật BHXH 2014 “<i>NHTM có chất lượng hoạt động tốt theo xếp loại tín nhiệm của Ngân hàng nhà nước Việt Nam</i>” nên đã giải quyết được vướng mắc của giai đoạn 2016-2024 liên quan xếp hạng tín nhiệm như ý kiến BHXH Việt Nam.</p> <p>1. Khoản 1 quy định về việc BHXH Việt Nam ban hành quy chế quản lý tiền gửi <u>được HĐQT thông qua</u>. Theo đó việc quy định <u>HĐQL BHXH thông qua quy chế</u> phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 20 Luật BHXH 2024 về “Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT” trong việc thông qua các nội dung liên quan đến hoạt động của BHXH Việt Nam.</p> <p>2. Khoản 2 (gộp khoản 2, khoản 3 của Nghị định số 30/2016/NĐ-CP) giao BHXH Việt Nam quyết định <i>mức gửi tiền, thời hạn gửi tiền, mức lãi suất tối ưu tại các NHTM và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về hiệu quả đầu tư</i>, không quy định chi tiết như Nghị định số 30/2016/NĐ-CP trước đây.</p>
---	---	--

	<p>Nam, NHTM cổ phần Ngoại thương Việt Nam, NHTM cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam. Việc lựa chọn bốn chi nhánh thuộc bốn NHTM tương ứng quy định tại khoản này do Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam quyết định.</p> <p>4. Việc thanh toán tiền gốc, tiền lãi thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng.</p> <p>Trường hợp đến hạn thanh toán tiền lãi hoặc tiền gốc, nếu NHTM thanh toán không kịp thời, thì ngoài việc phải thanh toán đủ số tiền lãi hoặc tiền gốc chậm thanh toán, còn phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán bằng 150% mức lãi suất gửi tiền tại thời điểm thanh toán tính trên số tiền chậm thanh toán, thời gian chậm thanh toán.</p>	<p>3. Việc thanh toán tiền gốc, tiền lãi thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng.</p> <p>Trường hợp đến hạn thanh toán tiền lãi hoặc tiền gốc, nếu NHTM thanh toán không kịp thời, thì ngoài việc phải thanh toán đủ số tiền lãi hoặc tiền gốc chậm thanh toán, còn phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán bằng 150% mức lãi suất gửi tiền tại thời điểm thanh toán tính trên số tiền chậm thanh toán, thời gian chậm thanh toán. <i>Khi ký hợp đồng gửi tiền, BHXH Việt Nam có trách nhiệm ký thỏa thuận với NHTM về việc xử lý khi NHTM chậm thanh toán số tiền lãi hoặc tiền gốc.</i></p>	<p>3. Khoản 3 kế thừa các quy định tại khoản 4 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP.</p> <p><i>Bổ sung nội dung: Khi ký hợp đồng gửi tiền, BHXH Việt Nam có trách nhiệm ký thỏa thuận với NHTM về việc xử lý khi NHTM chậm thanh toán số tiền lãi hoặc tiền gốc.</i></p>
11	<p>Điều 9. Mua trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi được phát hành bởi các NHTM có chất lượng hoạt động tốt theo</p>	<p>Điều 9. Mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi của các NHTM nhà nước và NHTM cổ phần có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ, trong</p>	<p>Điều 9 kế thừa nội dung Điều 9 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP.</p> <p>Khoản 3 Điều 9 về lãi suất Quy định theo đề xuất của BHXH Việt Nam (trang 13 Báo cáo số 4182/BC-</p>

<p>xếp loại tín nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</p> <p>1. Việc mua trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do NHTM phát hành phải thuộc phương án đầu tư quỹ đã được HĐQT BHXH Việt Nam thông qua.</p> <p>2. Thời hạn đầu tư mua trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi tùy thuộc vào thời hạn của từng loại giấy tờ có giá do NHTM phát hành nhưng tối đa không quá 05 năm.</p> <p>3. Mức lãi suất mua trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi thực hiện theo lãi suất phát hành trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do NHTM phát hành nhưng phải đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất phát hành TPCP có cùng kỳ hạn tại thời điểm gần nhất trong vòng 03 tháng trước thời điểm mua. Trường hợp trong 03 tháng trước thời điểm mua không phát hành TPCP có cùng kỳ hạn, thì lãi suất mua trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi thực hiện theo mức lãi suất đầu tư gửi tiền tại NHTM quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định này.</p>	<p>đó không thực hiện đầu tư tại các NHTM đang được kiểm soát đặc biệt</p> <p>1. Việc mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi do NHTM phát hành phải thuộc phương án đầu tư quỹ đã được HĐQT BHXH Việt Nam thông qua.</p> <p>2. Thời hạn đầu tư mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi tùy thuộc vào thời hạn của từng loại giấy tờ có giá do NHTM phát hành nhưng tối đa không quá 05 năm.</p> <p>3. Mức lãi suất mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi thực hiện theo lãi suất phát hành trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi do NHTM phát hành nhưng phải đảm bảo không thấp hơn mức trung bình lãi suất tiền gửi cùng kỳ hạn của 4 chi nhánh trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc bốn NHTM: NHTM cổ phần Công thương Việt Nam, NHTM cổ phần Ngoại thương Việt Nam, NHTM cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam.</p>	<p>BHXH ngày 11/12/2023) để xử lý các vướng mắc (Thứ ba) nêu tại trang 7 Báo cáo số 4182/BC-BHXH ngày 11/12/2023.</p>
--	--	---

	<p>4. Việc thanh toán tiền gốc, lãi trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi khi đến hạn thực hiện theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi của NHTM.</p> <p>5. Trường hợp cần thiết phải bán trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi để thu hồi vốn trước hạn, BHXH Việt Nam có văn bản nêu rõ lý do, trình HĐQT BHXH Việt Nam xem xét, quyết định.</p>	<p>4. Việc thanh toán tiền gốc, lãi trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi khi đến hạn thực hiện theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi của NHTM.</p> <p>5. Trường hợp cần thiết phải bán trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi để thu hồi vốn trước hạn, BHXH Việt Nam có văn bản nêu rõ lý do, trình HĐQT BHXH Việt Nam xem xét, quyết định.</p>	
12	<p>Điều 10. Mua trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội phát hành</p> <p>1. Mức mua trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam quyết định căn cứ vào phương án đầu tư quỹ đã được HĐQT BHXH Việt Nam thông qua và tỷ trọng vốn đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định này.</p> <p>2. Thời hạn đầu tư mua trái phiếu tùy thuộc vào thời hạn của từng loại trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh nhưng tối đa không quá 05 năm.</p>	<p>Điều 10. Mua trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội phát hành</p> <p>1. Mức mua trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam quyết định căn cứ vào phương án đầu tư quỹ đã được HĐQT BHXH Việt Nam thông qua và tỷ trọng vốn đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định này.</p> <p>2. Thời hạn đầu tư mua trái phiếu tùy thuộc vào thời hạn của từng loại trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh nhưng tối đa không quá 05 năm.</p>	<p>Điều 10 giữ nguyên quy định tại Nghị định số 30/2016/NĐ-CP.</p>

	<p>3. Việc thanh toán tiền gốc, lãi trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh khi đến hạn thực hiện theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh trong nước.</p> <p>4. Trường hợp cần thiết phải bán trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh để thu hồi vốn trước hạn, BHHH Việt Nam có văn bản nêu rõ lý do, trình HĐQL BHHH Việt Nam xem xét, quyết định.</p>	<p>3. Việc thanh toán tiền gốc, lãi trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh khi đến hạn thực hiện theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh trong nước.</p> <p>4. Trường hợp cần thiết phải bán trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh để thu hồi vốn trước hạn, BHHH Việt Nam có văn bản nêu rõ lý do, trình HĐQL BHHH Việt Nam xem xét, quyết định.</p>	
13	<p>Điều 11. Đầu tư vào các dự án quan trọng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (TTCPg)</p> <p>1. Dự án được đầu tư là dự án quan trọng sử dụng một phần vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công đã được TTCPg quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện.</p> <p>2. Mức vốn đầu tư, thời hạn đầu tư, lãi suất đầu tư:</p> <p>a) Mức vốn đầu tư vào từng dự án được căn cứ vào nhu cầu của chủ đầu tư, phương án đầu tư quỹ đã được HĐQL BHHH Việt Nam thông qua và tỷ trọng vốn đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị</p>	<p>Bỏ Điều 11 của Nghị định số 30/2016/NĐ-CP, không quy định lại nội dung này trong dự thảo Nghị định.</p>	

định này;

b) Thời hạn đầu tư tùy theo từng dự án nhưng tối đa không quá 05 năm. Trường hợp đến hạn thanh toán tiền gốc, chủ đầu tư tập trung nguồn lực để mở rộng dự án sản xuất kinh doanh hoặc chưa tập trung kịp thời nguồn vốn để thanh toán do các nguyên nhân khách quan, chủ đầu tư nếu có văn bản đề nghị gia hạn thời gian thanh toán, Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam xem xét, quyết định gia hạn một phần hoặc toàn bộ số tiền gốc trong thời gian tối đa không quá 03 năm, tùy theo từng trường hợp cụ thể;

c) Mức lãi suất đầu tư phải đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất phát hành TPCP có cùng kỳ hạn tại thời điểm gần nhất trong vòng 03 tháng trước thời điểm đầu tư, chưa bao gồm khoản phí có liên quan (nếu có). Trường hợp trong 03 tháng trước thời điểm đầu tư không phát hành TPCP có cùng kỳ hạn, thì mức lãi suất do BHXH Việt Nam và chủ đầu tư thỏa thuận nhưng phải đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất đầu tư theo hình thức gửi tiền quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

3. Chủ đầu tư khi có nhu cầu huy động vốn từ quỹ BHTN phải gửi BHXH Việt Nam hồ sơ gồm:

a) Các tài liệu chứng minh là dự án quan trọng sử dụng một phần vốn đầu tư công đã được TTCPg quyết định chủ trương đầu tư;

b) Nhu cầu vốn thực hiện dự án, trong đó nêu rõ nhu cầu huy động vốn từ quỹ BHTN, mục đích sử dụng và mức lãi suất đầu tư dự kiến; cam kết sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, có hiệu quả.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của chủ đầu tư theo quy định tại Khoản 3 Điều này, BHXH Việt Nam phải thực hiện xong việc xem xét các tài liệu chứng minh là dự án quan trọng đã được TTCPg quyết định chủ trương đầu tư; đề xuất mức vốn đầu tư, thời hạn đầu tư, lãi suất đầu tư, trình HĐQT BHXH Việt Nam thông qua để tổ chức thực hiện. Trường hợp không nhất trí đầu tư thì BHXH Việt Nam phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho chủ đầu tư.

5. Việc thực hiện đầu tư vào dự án quan trọng được lập thành hợp đồng, trong đó phải ghi rõ tên dự

<p>án đầu tư đã được TTCPg quyết định chủ trương đầu tư (bao gồm mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện), mức vốn đầu tư, thời hạn đầu tư, lãi suất đầu tư, phương thức giải ngân, thanh toán, quyền và nghĩa vụ của các bên, giải quyết tranh chấp, cam kết của các bên và thỏa thuận khác liên quan.</p> <p>6. BHXH Việt Nam có quyền, nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn; yêu cầu chủ đầu tư báo cáo việc sử dụng vốn và chứng minh vốn đầu tư của BHXH Việt Nam được sử dụng đúng Mục đích.</p>	<p>Điều 11. Sử dụng tiền sinh lời của hoạt động đầu tư</p> <p>Toàn bộ số tiền sinh lời thu được hằng năm của hoạt động đầu tư theo quy định tại Nghị định này và số tiền lãi phát sinh trên tài khoản tiền gửi phản ánh các khoản thu, chi BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật về cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHYT, BHTN được sử dụng như sau:</p> <p>1. Trích lập quỹ dự phòng rủi ro trong hoạt động đầu tư từ quỹ</p>	<p>Báo cáo số 4182/BC-BHXH ngày 11/12/2023 của BHXH Việt Nam đề xuất <u>các nguyên tắc</u> trong việc sửa đổi Điều 12 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP về sử dụng tiền sinh lời của hoạt động đầu tư, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1 quy định về tiền sinh lời của hoạt động đầu tư được bổ sung về từng quỹ bảo hiểm tương ứng với gốc đầu tư ngay từ khi thu được lãi để quản lý đầu tư và hạch toán độc lập các quỹ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của Luật BHXH 2024, phù hợp với trách nhiệm chi trả và tính chất đặc thù của từng quỹ. - Khoản 2 quy định về trích lập bổ sung quỹ dự phòng rủi ro. <p><i>Tuy nhiên, BHXH Việt Nam không đề xuất nội dung chi tiết.</i></p>

<p>BHXX, BHYT, BHTN theo nguyên tắc như sau:</p> <p>a) Mức trích quỹ dự phòng rủi ro hằng năm tối đa không quá 2% số tiền sinh lời của hoạt động đầu tư cho đến khi số dư quỹ dự phòng rủi ro bằng 5% số dư nợ đầu tư vào các hình thức quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều 4 Nghị định này của năm trước liền kề. Mức trích cụ thể hằng năm do Tổng Giám đốc BHXX Việt Nam quyết định;</p> <p>b) Quỹ dự phòng rủi ro được sử dụng để bù đắp cho số tiền đầu tư bị rủi ro được xử lý theo quy định tại Điều 13 Nghị định này;</p> <p>c) Quỹ dự phòng rủi ro trong thời gian chưa sử dụng, được sử dụng đầu tư vào các hình thức quy định tại Điểm a và b Khoản 1 Điều 4 Nghị định này.</p> <p>2. Phần còn lại phân bổ vào các quỹ theo tỷ lệ số dư bình quân của từng quỹ trên tổng số dư bình quân của các quỹ trong năm và sử dụng như sau:</p> <p>a) Tiền sinh lời phân bổ vào quỹ BHXX sau khi trích chi phí quản lý BHXX theo quy định của pháp luật, số còn lại bổ sung vào các quỹ</p>	<p>BHXX, BHYT, BHTN theo nguyên tắc như sau:</p> <p>a) Mức trích quỹ dự phòng rủi ro hằng năm tối đa không quá 2% số tiền sinh lời của hoạt động đầu tư cho đến khi số dư quỹ dự phòng rủi ro bằng 5% số dư nợ đầu tư vào các hình thức quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều 4 Nghị định này của năm trước liền kề. Mức trích cụ thể hằng năm do Tổng Giám đốc BHXX Việt Nam quyết định;</p> <p>b) Quỹ dự phòng rủi ro được sử dụng để bù đắp cho số tiền đầu tư bị rủi ro được xử lý theo quy định tại Điều 12 Nghị định này;</p> <p>c) Quỹ dự phòng rủi ro trong thời gian chưa sử dụng, được sử dụng đầu tư vào các hình thức quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 4 Nghị định này.</p> <p>2. Phần còn lại phân bổ vào các quỹ theo tỷ lệ số dư bình quân của từng quỹ trên tổng số dư bình quân của các quỹ trong năm và sử dụng như sau:</p> <p>a) Tiền sinh lời phân bổ vào quỹ BHXX sau khi trích chi phí quản lý BHXX theo quy định của pháp luật, số còn lại bổ sung vào các quỹ</p>	<p>Do vậy, Điều 11 dự thảo Nghị định giữ nguyên như quy định tại Điều 12 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP.</p>
--	---	---

	<p>thành phần theo tỷ lệ số dư bình quân của từng quỹ thành phần trên tổng số dư bình quân của các quỹ thành phần trong năm;</p> <p>b) Tiền sinh lời phân bổ vào quỹ BHYT được bổ sung vào quỹ dự phòng để điều tiết chung;</p> <p>c) Tiền sinh lời phân bổ vào quỹ BHTN được bổ sung vào quỹ BHTN.</p>	<p>thành phần theo tỷ lệ số dư bình quân của từng quỹ thành phần trên tổng số dư bình quân của các quỹ thành phần trong năm;</p> <p>b) Tiền sinh lời phân bổ vào quỹ BHYT được bổ sung vào quỹ dự phòng để điều tiết chung;</p> <p>c) Tiền sinh lời phân bổ vào quỹ BHTN được bổ sung vào quỹ BHTN.</p>	
15	<p>Điều 13. Xử lý rủi ro trong hoạt động đầu tư</p> <p>1. Phạm vi xử lý rủi ro:</p> <p>a) Các khoản đầu tư vào hình thức gửi tiền; mua trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi tại các NHTM bị rủi ro do NHTM gặp rủi ro theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Các khoản đầu tư vào các dự án quan trọng theo quyết định của TTCPg bị rủi ro do chủ đầu tư gặp khó khăn do suy giảm kinh tế hoặc vì lý do bất khả kháng gồm thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa.</p> <p>2. Biện pháp xử lý rủi ro:</p> <p>a) Gia hạn nợ là việc BHXH Việt Nam tạm thời chưa thu một phần hoặc toàn bộ số tiền đầu tư khi đến hạn thu hồi trong thời gian tối đa không quá 03 năm, tùy theo từng trường hợp cụ thể;</p>	<p>Điều 12. Xử lý rủi ro trong hoạt động đầu tư</p> <p>Giữ nguyên như Điều 13 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP.</p>	<p>Báo cáo số 4182/BC-BHXH ngày 11/12/2023 của BHXH Việt Nam không đề xuất nội dung Điều này. Do vậy, Điều 12 dự thảo Nghị định giữ nguyên như quy định tại Điều 13 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP.</p>

b) Khoanh nợ là việc BHXH Việt Nam tạm thời chưa thu một phần hoặc toàn bộ tiền đầu tư và tiền lãi phát sinh khi đến hạn thu hồi trong thời gian nhất định và không tính lãi đối với số tiền (gốc) chưa thu trong thời gian được khoanh nợ; thời hạn khoanh nợ tối đa không quá 03 năm;

c) Xóa lãi là việc BHXH Việt Nam không thu một phần hoặc toàn bộ tiền lãi đầu tư của bên có liên quan khi đến hạn thanh toán;

d) Bán nợ là việc BHXH Việt Nam chuyển giao quyền chủ nợ đối với khoản đầu tư bị rủi ro cho bên mua nợ và nhận thanh toán từ bên mua nợ, được thực hiện theo quy định của pháp luật về mua, bán nợ. Việc mua bán nợ phải được lập thành hợp đồng, trong đó xác định rõ giá bán nợ, chuyển quyền chủ nợ từ bên bán nợ sang bên mua nợ và các thỏa thuận khác có liên quan. Trường hợp số tiền thu được của bên mua nợ nhỏ hơn số tiền bị rủi ro (nếu có), thì số chênh lệch này được xử lý theo quy định tại Điều 4 Khoản này;

đ) Xóa gốc là việc BHXH Việt Nam không thu một phần hoặc

toàn bộ tiền gốc đầu tư của bên có liên quan. Nguồn bù đắp xóa nợ được trích từ quỹ dự phòng rủi ro theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định này.

3. Nguyên tắc xử lý rủi ro:

a) Khoản đầu tư được thực hiện theo đúng thẩm quyền và phương thức đầu tư quy định tại Nghị định này;

b) Có đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh khoản đầu tư bị rủi ro do nguyên nhân khách quan làm thiệt hại một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư (tiền gốc, lãi);

c) Việc xử lý rủi ro được xem xét đối với từng trường hợp cụ thể căn cứ vào nguyên nhân dẫn đến rủi ro, mức độ rủi ro, đảm bảo đầy đủ hồ sơ pháp lý, đúng trình tự và quy định của pháp luật;

d) Một khoản đầu tư bị rủi ro có thể áp dụng một hoặc nhiều biện pháp xử lý rủi ro quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Thẩm quyền xử lý rủi ro:

a) Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam xem xét, quyết định xử lý đối với trường hợp gia hạn nợ quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này;

b) HĐQT BHXH Việt Nam xem

<p>xét, quyết định xử lý đối với trường hợp khoan nợ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam;</p> <p>c) TTCPg xem xét, quyết định xử lý đối với trường hợp xóa lãi, bán nợ, xóa nợ quy định tại các Điểm c, d và đ Khoản 2 Điều này trên cơ sở đề nghị của HĐQT BHXH Việt Nam.</p> <p>5. Khi xảy ra rủi ro dẫn đến vốn đầu tư không thu hồi đúng hạn hoặc không có khả năng thu hồi, BHXH Việt Nam thực hiện như sau:</p> <p>a) Phải kịp thời báo cáo HĐQT BHXH Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan có liên quan để xác minh, đánh giá mức độ thiệt hại, tổn thất về tài sản và lập hồ sơ đề nghị xử lý;</p> <p>b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ Tài chính, LĐT&XH, Y tế và cơ quan có liên quan thẩm định, đề xuất các biện pháp xử lý để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p>		
<p>16 Điều 14. Điều Khoản chuyển tiếp Đối với các hợp đồng cho NHTM nhà nước, Ngân hàng Phát triển</p>	<p>Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp Đối với các hợp đồng cho NHTM nhà nước, Ngân hàng Phát triển</p>	<p>Báo cáo số 4182/BC-BHXH ngày 11/12/2023 của BHXH Việt Nam không đề xuất nội dung Điều này. Do vậy, Điều 13 dự thảo Nghị định giữ nguyên như</p>

	Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội vay và đầu tư vào các công trình kinh tế trọng điểm quốc gia được ký trước ngày 01/01/2016, BHXH Việt Nam và các bên có liên quan tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng. Trường hợp gia hạn các hợp đồng này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.	Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội vay được ký trước ngày 01/7/2025, BHXH Việt Nam và các bên có liên quan tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng. Trường hợp gia hạn các hợp đồng này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.	quy định tại Điều 14 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP, <i>thay đổi thời điểm 01/01/2016 thành 01/7/2025 cho phù hợp với thời điểm có hiệu lực của văn bản.</i>
17	Điều 15. Hiệu lực thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/6/2016. 2. Điều 9 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của <u>Luật Việc làm</u> về bảo hiểm thất nghiệp và Thông tư số <u>113/2012/TT-BTC</u> ngày 17/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết về hoạt động đầu tư để bảo toàn và tăng trưởng các quỹ bảo hiểm do BHXH Việt Nam quản lý hết hiệu lực thi hành, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.	Điều 14. Hiệu lực thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025. 2. Nghị định số 30/2016/NĐ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.	Điều 14 quy định về thời điểm có hiệu lực của văn bản kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và quy định việc bãi bỏ Nghị định số 30/2016/NĐ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ.
18	Điều 16. Trách nhiệm tổ chức thực hiện 1. Bộ Tài chính có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện	Điều 15. Trách nhiệm thi hành 1. BHXH Việt Nam có trách nhiệm: a) Chỉ đạo bộ phận quản lý đầu tư	Điều 15 gộp Điều 16 và Điều 17 , trong đó giữ nguyên như quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 30/2016/NĐ-CP về trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Điều 17 Nghị định số 30/2016/NĐ-

<p>đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN của BHXH Việt Nam, bảo đảm việc đầu tư theo đúng quy định.</p> <p>2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm gửi BHXH Việt Nam kết quả xếp loại tín nhiệm đối với các NHTM hằng năm để phục vụ cho hoạt động đầu tư an toàn, hiệu quả.</p> <p>3. BHXH Việt Nam có trách nhiệm:</p> <p>a) Chỉ đạo bộ phận quản lý đầu tư quỹ phải thường xuyên cập nhật thông tin về phát hành TPCP, trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, lãi suất huy động của các NHTM có chất lượng hoạt động tốt; đối chiếu số tiền đầu tư, số tiền đến hạn thu hồi và số dư của từng hình thức đầu tư, đối tượng đầu tư để phục vụ cho việc xác định lãi suất đầu tư sát thực tế, thu hồi tiền gốc, lãi được kịp thời và đúng hạn;</p> <p>b) Định kỳ 3 tháng một lần, báo cáo HĐQT BHXH Việt Nam về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN;</p> <p>c) Thực hiện lưu giữ hồ sơ hoạt</p>	<p>quỹ phải thường xuyên cập nhật thông tin về phát hành TPCP, trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, lãi suất huy động của các NHTM có chất lượng hoạt động tốt; đối chiếu số tiền đầu tư, số tiền đến hạn thu hồi và số dư của từng hình thức đầu tư, đối tượng đầu tư để phục vụ cho việc xác định lãi suất đầu tư sát thực tế, thu hồi tiền gốc, lãi được kịp thời và đúng hạn;</p> <p>b) Định kỳ 3 tháng một lần, báo cáo HĐQT BHXH Việt Nam về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN.</p> <p>c) Thực hiện lưu giữ hồ sơ hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Cung cấp đầy đủ và kịp thời các số liệu, tài liệu có liên quan đến hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN cho Bộ Tài chính, Bộ LĐTB&XH, Bộ Y tế và cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu.</p> <p>2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc</p>	<p>CP về trách nhiệm của các cơ quan có liên quan.</p>
--	--	--

	<p>động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Cung cấp đầy đủ và kịp thời các số liệu, tài liệu có liên quan đến hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN cho Bộ Tài chính, Bộ LĐTB&XH, Bộ Y tế và cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu.</p>	<p>Trung ương, HĐQL BHXH Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.</p>	
19	<p>Điều 17. Trách nhiệm thi hành</p> <p>Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, HĐQL BHXH Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.</p>	<p>Đã gộp vào Điều 15.</p>	